

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Hiền

Ông Nguyễn Ngọc Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Điều Thị M1, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp S1, xã N3, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Điều X', sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, ấp F2, xã Q9, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Điều Thị M1 trình bày:*

Bà Điều Thị M1 và ông Điều X' sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2010 và đăng ký kết hôn lần thứ hai vào ngày 25/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L2, huyện H4, tỉnh Bình Phước (nay là xã N3, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn bà Điều Thị M1 và ông Điều X' cùng chung sống với nhau tại tổ 02, ấp S1, xã N3, tỉnh Đồng Nai

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng hay xảy ra cãi vã, bất đồng trong quan điểm, ông X' thường xuyên ăn nhậu, gây sự, không lo làm ăn, dù bà M1 đã khuyên can nhiều lần nhưng vẫn không được, không có trách nhiệm với gia đình con cái, sau đó ông Điều X' bỏ về nhà mẹ trong ấp F2 sinh sống từ năm 2023 đến nay, ông bà sống ly thân từ đó được khoảng 02 (hai) năm. Ban đầu, bà M1 cũng muốn hàn gắn và có gọi ông X' về nói chuyện giải quyết mâu thuẫn, nhưng ông Điều X' không chịu quay về. Nay bà M1 thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn xin ly hôn với ông Điều X'.

Quá trình chung sống bà Điều Thị M1 và ông Điều X' có 01(một) con chung tên Điều Thị Khả N0, sinh ngày 02/4/2021. Sau khi ly hôn bà Điều Thị M1 có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Điều Thị Khả N0, sinh ngày 02/4/2021, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà M1 không yêu cầu ông Điều X' cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Điều Thị M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn ông Điều X' vắng mặt tại phiên tòa.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập ông Điều X' lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm cơ sở giải quyết vụ án, nhưng ông Điều X' không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Đồng thời, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Điều X' tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông X' không tham gia, không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 10/11/2025, tại Công an xã Q9, tỉnh Đồng Nai xác định: Ông Điều X' có đăng ký thường trú và nơi ở tại: Tổ 04, ấp F2, xã Q9, tỉnh Đồng Nai. Và tại biên bản xác minh ngày 10/11/2025 tại ấp F2, xã Q9, tỉnh Đồng Nai xác định: Ông Điều X' và bà Điều Thị M1 có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau đó ông X' và bà M1 cùng nhau sinh sống tại địa chỉ ấp S1, xã N3, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, khoảng 01 (một) năm nay ông X' chuyển về sinh sống cùng cha mẹ tại ấp F2, xã Q9, tỉnh Đồng Nai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên

tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Điều X' đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 04, ấp F2, xã Q9, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Ông Điều X' đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị M1 và ông Điều X' sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L2, huyện H4, tỉnh Bình Phước (nay là xã N3, tỉnh Đồng Nai), theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của bà Điều Thị M1 và ông Điều X' là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, bà Điều Thị M1 và ông Điều X' kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống ông, bà bất đồng quan điểm không còn thương yêu nhau, quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay bà Điều Thị M1 không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với ông Điều X' để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Điều Thị M1, cho bà Điều Thị M1 ly hôn với chồng ông Điều X'.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn bà Điều Thị M1 có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Điều Thị Khả N0, sinh ngày 02/4/2021, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà M1 không yêu cầu ông X' cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy từ khi bà Điều Thị M1 và ông Điều X' xảy ra mâu thuẫn, cháu Như do bà Điều Thị M1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến nay, bà Điều Thị M1 có công việc và thu nhập ổn định. Xét quyền lợi chính đáng về mọi mặt của con, bà Điều Thị M1 nuôi dưỡng là phù hợp hơn ông Điều X' và phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Điều Thị M1, giao con chung tên Điều Thị Khả N0, sinh ngày 02/4/2021 cho bà Điều Thị M1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Điều Thị M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không X'm xét.

[5] Về án phí: Bà Điều Thị M1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Điều Thị M1. Bà Điều Thị M1 được ly hôn với ông Điều X’.

- Về con chung: Giao con chung tên Điều Thị Khả N0, sinh ngày 02/4/2021 cho bà Điều Thị M1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Điều X’ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Điều Thị M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không X’m xét.

- Về án phí: Bà Điều Thị M1 chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003416 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Mai Phương